

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 11 - 2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy;
2. Ông Phạm Thiệt Khả.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Số 69, đường Trương Định, khóm 2, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- Bị đơn: Lê Quốc V, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: Số 40, đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm 3, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm T, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới chị và anh V chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên là Lê Quốc H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2004.

Năm 2005, chị và anh V bắt đầu xảy ra mâu thuẫn liên tục, không còn hòa hợp như trước, vì anh V không chăm lo gia đình, mà còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng chị vẫn tha thứ để anh V sửa chữa, khắc phục.

Sau đó, chị và anh V có thêm 01 người con chung tên là Lê Phương N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Năm 2012, chị và anh V tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã N và tại đây, chị tiếp tục tha thứ những lỗi lầm của anh V; anh V lại tiếp tục quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không nghe.

Nay chị Nguyễn Ngọc T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V tự nguyện thỏa thuận: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Lê Quốc H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2004 và Lê Phương N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2008 (Cháu H và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T).

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, nên anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 18 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Quốc V trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng. Năm 2005, anh chị phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống, anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng đó chỉ là tình cảm bên ngoài, không hề ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, anh vẫn còn thương vợ và con, nay chị T xin ly hôn, anh V không thống nhất ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh tự nguyện thỏa thuận là chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Lê Quốc H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2004 và Lê Phương N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2008 (Cháu H và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T).

Về cấp dưỡng cho con: Anh V không thống nhất thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Quốc V được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về hôn nhân*: Từ năm 2003 cho đến nay, chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc T với anh Lê Quốc V.

[6] *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Lê Quốc H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2004 và Lê Phương N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2008 (Cháu H và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T) là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] *Về cấp dưỡng*: Do chị T không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Chị Nguyễn Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Quốc V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là phù hợp với Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] *Về án phí*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Lê Quốc V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc T với anh Lê Quốc V.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Quốc V là chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Lê Quốc H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2004 và Lê Phương N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2008.

(Hiện cháu Lê Quốc H và cháu Lê Phương N có nguyện vọng và đang sống chung với chị Nguyễn Ngọc T).

Chị Nguyễn Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Quốc V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh Lê Quốc V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 14091 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Lê Quốc V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03 tháng 11 năm 2017), nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung